

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

Thực hiện Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng Kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, để triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho người nông dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Yêu cầu

Tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan về quan điểm, mục tiêu và nội dung Nghị quyết số 19 - NQ/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời gian trước mắt và lâu dài; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030:

- **Về nông nghiệp:** Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp

sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Phát huy lợi thế từng vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phấn đấu có thêm từ 2-3 mặt hàng nông sản xuất khẩu chính ngạch.

- **Về nông dân:** Nông dân và dân cư nông thôn văn minh, có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng miền, các địa phương trong tỉnh.

- **Về nông thôn:** Phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

*** Về nông nghiệp**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông lâm thủy sản bình quân đạt 2-3%/năm; cơ cấu giá trị sản xuất: nông nghiệp chiếm 82%; lâm nghiệp chiếm 10%; thủy sản chiếm 8%; trong nội ngành nông nghiệp: Trồng trọt 48%; chăn nuôi 48,5%; dịch vụ 3,5%.

- Toàn tỉnh có khoảng 350 sản phẩm OCOP, trong đó có 04 sản phẩm đạt 5 sao và **khoảng 90% sản phẩm OCOP thuộc doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia chương trình OCOP.**

- Giá trị sản xuất bình quân trên ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 160 - 170 triệu đồng.

- Tỷ lệ giá trị sản xuất ứng dụng công nghệ cao đối với nông nghiệp đạt 50%, thủy sản đạt 55% và lâm nghiệp đạt 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp và thủy sản được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt trên 80,0%; chăn nuôi trang trại, khu chăn nuôi tập trung chiếm 80%.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới hình thức hợp tác và liên kết đạt 30%;

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 7-10%/năm.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 37%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 17.000 ha, năng suất, chất lượng rừng được nâng cao.

*** Về nông dân**

- Tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân 8,6 - 9%/năm.
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 3 lần so với năm 2020.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn 18%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 15.000 lao động nông thôn.

*** Về nông thôn**

- 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó khoảng 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 8/9 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*chiếm 88,9%*), trong đó phấn đấu có 3 huyện (*chiếm 37,5%*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 90%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên 90%.

- Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị xã hội ở nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm, đến năm 2030 còn dưới 1%, trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 6%.

1.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn theo hướng hiện đại, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại; có nhiều sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh được xuất khẩu thuận lợi, đem lại giá trị thu nhập cao. Nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, con người Bắc Giang; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm gắn chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư. Tăng cường liên kết, hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các giống cây, con, quy trình sản xuất công nghệ mới tiên tiến để áp dụng vào sản xuất như: Công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sâu sau thu hoạch...; đổi mới và nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng,

chuyên giao của các tổ chức khoa học công nghệ (*các doanh nghiệp khoa học công nghệ; các trung tâm giống, khoa học, kỹ thuật, dạy nghề*) trên địa bàn tỉnh; nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại có hiệu quả.

- Ưu tiên tăng nguồn vốn đầu tư công trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyên giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Phát triển các tổ chức trung gian kết nối công nghệ (sản giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đổi mới sáng tạo, ...) để cung cấp dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, trang trại, hợp tác xã. Có cơ chế, chính sách phù hợp để xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp và huy động mọi nguồn lực hợp pháp đầu tư vào khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả một số chương trình nghiên cứu lớn gồm: Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 và các sản phẩm chủ lực của tỉnh; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất, lãng phí trong hệ thống lương thực, thực phẩm.

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng nông nghiệp số trong nền kinh tế. Xây dựng hệ thống dữ liệu lớn của ngành như đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi và phòng chống thiên tai. Xây dựng bản đồ số hóa vùng nguyên liệu, vùng nuôi trồng tích hợp với hệ thống cảm biến quan sát, giám sát, cảnh báo hiệu quả tình hình khí tượng thủy văn, thổ nhưỡng... phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) trong việc truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm trong nền kinh tế tuần hoàn gắn với thương mại điện tử. Cấp mã số định danh cho các trang trại, hộ chăn nuôi theo yêu cầu của các thị trường tiêu thụ nông sản. Cập nhật thông tin lớp CSDL công trình thủy lợi trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xây dựng làng, xã thông minh ứng dụng công nghệ số.

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

- Tuyên truyền thực hiện quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn; chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; chính sách ưu đãi người có công và các chính sách về việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Huy động tối đa các nguồn lực, triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo sinh kế việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, từng bước xây dựng lực lượng lao động nông nghiệp, nông thôn chuyên nghiệp, lành nghề để tạo ra các sản phẩm có giá trị hàng hóa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch về đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 của Sở Khoa học và Công nghệ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Triệu Ngọc Trung

